

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/KDTM-ST

Ngày: 26 - 7 - 2024

V/v tranh chấp “*Hợp đồng cung cấp dịch vụ*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN- TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sơn
2. Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Phương - Thư ký tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2024/TLST-KDTM ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng cung cấp dịch vụ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C4

Địa chỉ trụ sở: A T, H, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Thanh H- Chức vụ: Trưởng phòng, Phòng G và bà Nguyễn Thị T- Chức vụ: Trưởng phòng, Phòng bán lẻ. Địa chỉ: Số D N, phường M, quận N, TP ., theo giấy ủy quyền số 1143/UQ-HĐQT-CNCT18 ngày 22/9/2021- Ông H có mặt;

2. Bị đơn: Công ty cổ phần T2

Địa chỉ: A N, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Tuyết L- Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền của: Bà Nguyễn Thị Minh T1, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, TP ., theo giấy ủy quyền số 02/GUQ ngày 05/12/2023- Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đinh Thị Thùy L1, sinh năm: 1988

Địa chỉ: G đường N, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh- Xin vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2022, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C4 ông Phan Đức H1 trình bày:

Ngân hàng TMCP C4- Chi nhánh N1 có ký Hợp đồng chấp nhận thanh toán thẻ số 282017/HĐTTT-NHCT ngày 17/08/2017 với Công ty CP T2 để cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ và lắp đặt máy POS tại khách sạn R để đơn vị thực hiện việc thanh toán thẻ.

Ngày 31/01/2020, Công ty CP T2 đã ký Hợp đồng thỏa thuận số 001/31012020/HDDV với Bà Đinh Thị Thùy L1 để cung cấp dịch vụ lưu trú và tổ chức sự kiện với thời gian từ 01/04/2020 đến 16/04/2020 với tổng số tiền là 1.342.000.000 đồng.

Từ ngày 20/02 đến 25/02/2020, Công ty CP T2 đã chấp nhận cho bà Đinh Thị Thùy L1 sử dụng 07 thẻ của 06 chủ thẻ nước ngoài khác nhau, thuộc các quốc tịch khác nhau như Úc, M thực hiện 07 giao dịch thanh toán thẻ tại khách sạn R để thanh toán tổng số tiền là 933.345.000 đồng. Đơn vị chấp nhận thanh toán bằng chức năng MOTO và nhập tay giao dịch thẻ với hình thức không có thẻ vật lý của khách hàng (với lý do các chủ thẻ ủy quyền cho bà Đinh Thị Thùy L1). Chi tiết các giao dịch như sau:

Số thẻ 5523*****3334, ngày giao dịch 23/02/2020, số tiền 195.385.000 đồng, số cấp phép 019906;

Số thẻ 5523*****3334 ngày giao dịch 24/02/2020, số tiền 197.800.000 đồng, số cấp phép 007406;

Số thẻ 5523*****0529, ngày giao dịch 21/02/2020, số tiền 68.000.000 đồng, số cấp phép 027955;

Số thẻ 601100*****3498, ngày giao dịch 20/02/2020, số tiền 46.280.000 đồng, số cấp phép 02015;

Số thẻ 409970*****1231, ngày giao dịch 21/02/2020, số tiền 32.000.000 đồng, số cấp phép 04150C;

Số thẻ 410064*****8740, ngày giao dịch 25/02/2020, số tiền 196.880.000 đồng, số cấp phép 04554B;

Số thẻ 409970*****2094, ngày giao dịch 22/02/2020, số tiền 197.000.000 đồng, số cấp phép 02173C.

Ngày cuối tháng 02 và đầu tháng 03 năm 2020, Ngân hàng phát hành thực hiện khiếu nại đối với tất cả 07 giao dịch này với mã giao dịch gian lận thông qua 10 chức thẻ quốc tế. Chi tiết tình trạng 07 giao dịch được Ngân hàng C4 cập nhật tại phụ lục 01 đính kèm.

Ngân hàng C4 đã yêu cầu Công ty CP T2 xuất trình chứng từ và đã hỗ trợ Công ty CP T2 xuất trình các chứng từ gồm: Hợp đồng dịch vụ, bản chụp mặt trước, mặt sau của thẻ, hộ chiếu của chủ thẻ, giấy ủy quyền, hộ chiếu người được ủy quyền, hóa đơn thanh toán thẻ tới ngân hàng phát hành thông qua Tổ chức thẻ quốc tế. Tuy nhiên, NHPH/chủ thẻ không chấp nhận và thực hiện liên tục các truy hồi giao dịch bằng cách ghi nợ tài khoản của Ngân hàng C4. Đồng thời, khẳng định các chủ thẻ không thực hiện ủy quyền các giao dịch này. Ngân hàng phát hành đã liệt kê thẻ này vào danh sách thẻ gian lận/giả mạo và báo cáo giao dịch gian lận đến Tổ chức thẻ quốc tế, đồng thời khóa toàn bộ các thẻ này.

Ngân hàng C4 đã nhiều lần thông báo văn bản cho Công ty CP T2 v/v xử lý khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến giao dịch tranh chấp như sau:

Công ty CP T2 quyết định lựa chọn hoàn trả số tiền giao dịch; hoặc Công ty CP T2 không chấp thuận khiếu nại của các giao dịch trên và muốn đệ trình các giao dịch lên Trọng tài quốc tế thì phải cung cấp bổ sung các chứng từ chứng minh khiếu nại của chủ thẻ là không hợp lệ. Đồng thời cung cấp cho V văn bản cam kết chịu mọi chi phí liên quan đến giao dịch khiếu nại Trọng tài theo phán quyết cuối cùng của Trọng tài quốc tế, gửi V chậm nhất vào ngày nêu tại phụ lục 1 (tùy thuộc vào từng giao dịch). Cụ thể như sau:

+ Công ty CP T2 thắng kiện: Công ty CP T2 không phải hoàn trả số tiền giao dịch tranh chấp.

+ Công ty CP T2 thua kiện: Công ty CP T2 phải chịu bồi hoàn số tiền giao dịch tranh chấp và chi phí khiếu nại Trọng tài, bao gồm: 500 USD/1 giao dịch đệ trình trọng tài + chi phí phát sinh khác (nếu có).

Tuy nhiên, Công ty CP T2 không phản hồi hoặc chỉ phản hồi những nội dung vô lý như: yêu cầu Ngân hàng C4 cung cấp Form khiếu nại của chủ thẻ có logo, chữ ký của giao dịch viên kiểm soát viên của ngân hàng phát hành... Những vấn đề này hoàn toàn không phù hợp với toán thẻ quốc tế.

Nếu Công ty CP T2 không chấp nhận đệ trình lên Trọng tài quốc tế thì Ngân hàng C4 yêu cầu Công ty CP T2 phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền giao dịch gian lận cho Ngân hàng C4. Hiện nay, có một số giao dịch hết hạn đệ trình Trọng tài quốc tế và Ngân hàng C4 đã bị Tổ chức thẻ quốc ghi nợ để thực hiện nghĩa vụ hoàn trả của Công ty CP T2 cho Chủ thẻ. Tuy nhiên, Công ty CP T2 đã không hoàn số tiền giao dịch bị khiếu nại gian lận lại cho Ngân hàng C4, mà có dấu hiệu chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng C4.

Căn cứ trên thông báo giao dịch gian lận của Tổ chức thẻ quốc tế và những dấu hiệu gian lận do chủ thẻ/NHPH phản hồi.

07 giao dịch trên đều bị Chủ thẻ/NHPH khiếu nại. Các chủ thẻ là người thuộc các quốc tịch khác nhau như Úc, Mỹ... Tổ chức thẻ quốc tế đã công bố đây là các giao dịch gian lận và đã khóa tất cả thẻ này.

Ngoài việc khiếu nại mã giao dịch gian lận và không thực hiện ủy quyền từ Chủ thẻ cho bà Đinh Thị Thùy L1, có 1 số giao dịch được phản hồi như sau:

- Giao dịch số 3 NHPH có phản hồi: Chủ thẻ xác nhận chưa bao giờ đến Việt Nam hay có kế hoạch du lịch tại Việt Nam và chứng từ xuất trình không phải là passport, thẻ của chủ thẻ, trên giấy ủy quyền sử dụng thẻ Công ty CP T2 xuất trình có ghi loại thẻ Visa debit nhưng thẻ của Chủ thẻ là Master C, nơi sinh trên passport và số passport không đúng.

- Giao dịch số 05 NHPH có phản hồi: Công ty CP T2 không cung cấp được bằng chứng rằng Chủ thẻ tham gia vào giao dịch này, không cung cấp được chữ ký của chủ thẻ đồng ý đối với giao dịch này. Chủ thẻ xác nhận không ủy quyền các giao dịch.

- Giao dịch số 06 NHPH có phản hồi: Chủ thẻ không tham gia và không được hưởng lợi từ giao dịch này. Chủ thẻ xác nhận hàng hóa, dịch vụ chưa được cung cấp đến chủ thẻ, giao dịch này không được ủy quyền. Chủ thẻ là người duy nhất sở hữu và sử dụng thẻ này, chữ ký được cung cấp bởi Công ty CP T2 không phải là chữ ký của Chủ thẻ.

- Giao dịch số 07 NHPH có phản hồi: chứng từ xuất trình không phải của chủ thẻ. Thẻ của chủ thẻ là Credit card nhưng Công ty CP T2 đưa ra hình ảnh thẻ là C1 card. Giao dịch không được chủ thẻ cấp phép.

- Căn cứ Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ kiêm Hợp đồng chấp nhận thanh toán thẻ số 282017/HĐTTT-NHCT ngày 17/08/2017 đã ký giữa Ngân hàng TMCP C4 – Chi nhánh N1 và Công ty CP T2 quy định “Nguyên tắc chấp nhận thanh toán thẻ” và “Quyền hạn của NHCT” như sau:

* Tại Điều 2, khoản 2.6 quy định Công ty CP T2 không được phép chấp nhận thanh toán khi người sử dụng thẻ không phải là chủ thẻ kể cả trường hợp người cầm thẻ có thể xuất trình giấy tờ tùy thân của chủ thẻ và nêu các lý do để thanh toán hộ (có

khả năng đó là thẻ mất cắp/thất lạc). Vì vậy, Công ty CP T2 chấp nhận cho người khác không phải là chủ thẻ để thực hiện thanh toán thẻ là sai quy định của Ngân hàng C4.

* Tại Điều 3, khoản 3,2 điểm (h) quy định Ngân hàng C4 được quyền truy đòi toàn bộ các khoản đã tạm ứng đối với các giao dịch trong trường hợp giao dịch thẻ liên quan đến giả mạo, gian lận và/hoặc có nghi ngờ bị giả mạo, gian lận.

* Tại Điều 3, khoản 3.3 quy định quyền truy đòi đầy đủ được hiểu là việc Ngân hàng có toàn quyền thu hồi toàn bộ khoản tiền đã thanh toán tạm ứng cho Công ty CP T2 bằng cách ghi nợ tài khoản của Công ty CP T2 mở tại ngân hàng. Trong trường hợp, tài khoản Công ty CP T2 không đủ tiền, Ngân hàng gửi thông báo truy đòi Công ty CP T2, Công ty CP T2 phải thực hiện việc hoàn trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản đến tài khoản của Ngân hàng trong 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo truy đòi của Ngân hàng.

- Căn cứ trên Giấy đề nghị bổ sung dịch vụ kiêm Phụ lục đồng chấp nhận thanh toán thẻ số 01/PLHĐTTT-NHCT và Giấy đề nghị kiêm Phụ lục hợp đồng bổ sung chức năng đặc biệt tại POS Số 02/PLHĐTTT-NHCT đã ký giữa N2- Chi nhánh N1 và Công ty CP T2 ngày 17/8/2017 đã quy định rõ “Trách nhiệm của Công ty CP T2” như sau:

Đơn vị chấp nhận thẻ phải chịu mọi tổn thất đối với những rủi ro, thiệt hại về mặt tài chính liên quan đến các giao dịch MOTO, giao dịch nhập tay trên thiết bị thanh toán trong trường hợp phát sinh tranh chấp khiếu nại hoặc phạt tuân thủ từ các tổ chức thẻ quốc tế. Công ty CP T2 có quyền tự động trích nợ tài khoản của Công ty CP T2 giá trị giao dịch đã được báo có trong trường hợp này. Trường hợp tài khoản không đủ tiền, Công ty CP T2 có trách nhiệm thanh toán giá trị các giao dịch trên bằng các phương thức thanh toán khác cho Ngân hàng C4.

• Căn cứ Văn bản số 03/VBHN-NHNN ngày 17/01/2020 của Ngân hàng N3 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng, tại Điều 8, khoản 2 các hành vi bị cấm: “Thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện để người khác thực hiện các hành vi giao dịch thẻ gian lận, giả mạo; giao dịch thanh toán không tại Công ty CP T2”. Đồng thời, theo qui định tại Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ kiêm Hợp đồng chấp nhận thanh toán thẻ số 282017/HĐTTT-NHCT ngày 17/8/2017 đã ký giữa Ngân hàng TMCP C4- Chi nhánh N1 và Công ty CP T2 có qui định tại Điều 2, khoản 2.7: “Công ty CP T2 không được phép ứng/hoàn/chuyển tiền cho C2 thẻ hoặc bên thứ ba dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý bằng văn bản của Ngân hàng C4” và tại Điều 5, khoản 5.1 và 5.3 về các hành vi nghiêm cấm “Công ty CP T2 không được cấu kết với các tổ chức, cá nhân thực hiện các hành vi gian lận trong quá trình thanh toán thẻ; Công ty CP T2 không được hoàn trả bằng tiền mặt cho khách hàng đối với mọi giao dịch thanh toán bằng thẻ. Trong Biên bản họp ngày 22/05/2020 giữa đơn vị và Ngân hàng C4, đơn vị khẳng định chưa cung cấp dịch vụ và đơn vị vẫn đang giữ số tiền giao dịch. Tuy nhiên, trong email trao đổi ngày 23/05/2020 giữa bà Đinh Thị Thùy L1 và ông Vó Anh C3

(kế toán trưởng- Công ty CP T2) do ông C3 chuyển tiếp cho Ngân hàng C4 có nội dung trao đổi như sau: “Nếu như Cô J (chủ t trao đổi như sau: “Nếu như Cô J (chủ thẻ) có thể liên hệ với KS làm rõ sự việc, thì chúng tôi sẽ hoàn lại tiền cho tài khoản cô J (Bên L1 sẽ hoàn lại tiền)”. Vì sao bà Đinh Thị Thùy L1 lại nói hoàn lại tiền trong trường này. Nếu đơn vị đã chuyển tiền thanh toán cho bà Đinh Thị Thùy L1 thì đơn vị đã vi phạm các qui định của ngân hàng N3 và ngân hàng C4.

Ngân hàng C4 đã nhiều lần thông báo đến Công ty CP T2 về việc khiếu nại thông qua đệ trình lên Trọng tài quốc tế. Trong trường hợp Công ty CP T2 không chấp thuận khiếu nại của các giao dịch trên và muốn đệ trình các giao dịch lên Trọng tài quốc tế, thì đơn vị phải cung cấp bổ sung các chứng từ chứng minh khiếu nại của Chủ thẻ là không hợp lệ. Trong trường hợp Công ty CP T2 kiện thì đơn vị không phải hoàn trả số tiền giao dịch tranh chấp. Tuy nhiên, ngân hàng C4 không nhận được quyết định của đơn vị về việc theo kiện Trọng tài của Tổ chức thẻ quốc tế. Điều đó khẳng định, đơn vị chấp nhận, những khiếu nại của Chủ thẻ và ngân hàng phát hành.

Đồng thời, theo Hợp đồng số 001/31012020/HDDV được ký giữa bà Đinh Thị Thùy L1, và Công ty CP T2, công ty sẽ tổ chức sự kiện từ ngày 02/04/2020 đến 15/04/2020. Theo biên bản làm việc ngày 22/05/2020 giữa Q công ty và ngân hàng C4, đơn vị đã xác nhận chưa cung cấp dịch vụ và vẫn đang giữ số tiền của 7 giao dịch khiếu nại gian lận. Do thời gian tổ chức sự kiện là thời gian cách ly xã hội do dịch Covid tại Việt Nam theo Thông báo của Thủ tướng Chính phủ. Vì vậy, đây là sự kiện bất khả kháng nên buộc Công ty CP T2 phải hoàn trả toàn bộ số tiền giao dịch khiếu nại gian lận.

Nếu Công ty CP T2 chấp nhận giao dịch mà Tổ chức thẻ quốc tế công bố là giao dịch gian lận (trên cơ sở khiếu nại của chính các chủ thẻ và ngân hàng phát hành) và không đồng ý hoàn trả số tiền giao dịch mà ngân hàng C4 đã bị Tổ chức thẻ quốc tế ghi nợ thì đây là hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của ngân hàng C4.

- Căn cứ trên những thiệt hại về mặt tài chính của ngân hàng C4 và thông báo của Tổ chức thẻ quốc tế về các giao dịch gian lận, Công ty CP T2 phải thực hiện hoàn trả số tiền đã được ngân hàng C4 báo có đối với 07 giao dịch khiếu nại gian lận là 910.405.015 đồng. Chi tiết như sau:

Số tiền giao dịch 195.358.000 đồng, số tiền báo có 190.441.759 đồng, ngày giao dịch 23/02/2020, mã cấp phép 019906;

Số tiền giao dịch 197.800.000 đồng, số tiền báo có 192.795.660 đồng, ngày giao dịch 24/2/2020, mã cấp phép 007406;

Số tiền giao dịch 68.000.000 đồng, số tiền báo có 66.980.000 đồng, ngày giao dịch 21/2/2020, mã cấp phép 027955;

Số tiền giao dịch 46.280.000 đồng, số tiền báo có 44.752.760 đồng, ngày giao dịch 20/2/2020, mã cấp phép 02015;

Số tiền giao dịch 32.000.000 đồng, số tiền báo có 31.520.000 đồng, ngày giao dịch 21/2/2020, mã cấp phép 04150C

Số tiền giao dịch 196.880.000 đồng, số tiền báo có 191.898.936 đồng, ngày giao dịch 25/2/2020, mã cấp phép 04554B;

Số tiền giao dịch 197.000.000 đồng, số tiền báo có 192.015.900 đồng, ngày giao dịch 22/02/2020, mã cấp phép 02173C;

Tổng cộng: 910.405.015 đồng.

Ngân hàng TMCP C4- Chi nhánh N1 đã nhiều lần làm việc với Công ty CP T2 nhưng công ty vẫn không đồng ý hoàn trả tiền và tiền đó cũng đã được Công ty CP T2 sử dụng (ngày 02/3/2020 công ty đã chuyển tiền ra khỏi tài khoản số 113000187718 của Công ty CP T2 mở tại V).

Số tiền Công ty CP T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP C4- Chi nhánh N1 tạm tính đến ngày 09/01/2023 là 1.145.663.648 đồng; trong đó số tiền chiếm đoạt 910.405.015 đồng, tiền lãi trên số tiền chiếm đoạt 235.258.633 đồng.

Để thu hồi dứt điểm khoản tiền mà Công ty CP T2 chiếm dụng quá lâu, Ngân Hàng C4- Chi nhánh N1 đề nghị Tòa án nhân dân Quận N giải quyết:

1. Buộc Công ty CP T2 phải hoàn trả số tiền đã chiếm dụng của Ngân hàng TMCP C4 cùng tiền lãi phát sinh = 9%/năm trên số tiền chiếm đoạt kể từ ngày 22/5/2020 đến ngày 26/7/2024 (ngày xét xử) là 1.252.966.727 đồng; trong đó số tiền chiếm đoạt 910.405.015 đồng, tiền lãi trên số tiền chiếm đoạt 342.561.712 đồng và toàn bộ số tiền lãi phát sinh trên số tiền chiếm đoạt cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng.

* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty CP T2 trình bày:

Ngày A và V ký kết Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ kiêm Hợp đồng chấp nhận thanh toán thẻ số 282017/HĐTTT-NHCT.

Ngày 31/01/2020 Mỹ K và bà Đinh Thị Thùy L1 ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ (Sau đây gọi tắt là “Hợp đồng dịch vụ”). Trong Hợp đồng dịch vụ có thỏa thuận bà L1 thuê 40 phòng, nghỉ 15 đêm tại Khách sạn R1 bắt đầu từ ngày 01/4/2020. Theo Hợp đồng dịch vụ bà L1 đã đặt cọc và thanh toán trước cho Mỹ K số tiền là 933.345.000 đồng thông qua hình thức thanh toán thẻ ngân hàng (bà L1 trình bày được chủ thẻ ủy quyền và cung cấp giấy ủy quyền).

Nay V có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Mỹ K phải hoàn trả cho V số tiền 910.405.015 đồng và thanh toán tiền lãi 9%/năm trên số tiền nêu trên, do đó M trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Mỹ Khê hoàn toàn không đồng ý với nội dung mà V cho rằng Mỹ K đã chiếm dụng của V số tiền là 910.405.015 đồng và đề nghị Tòa án xét xử buộc Mỹ K phải

hoàn trả cho V số tiền 910.405.015 đồng và thanh toán tiền lãi 9%/năm trên số tiền nêu trên vì những lý do sau:

1. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng dịch vụ, bà L1 thuê 40 phòng, nghỉ 15 đêm tại Khách sạn R1 bắt đầu từ ngày 01/4/2020. Cũng theo Hợp đồng dịch vụ, bà L1 đã đặt cọc và thanh toán trước cho Mỹ K số tiền là 933.345.000 đồng thông qua hình thức thanh toán thẻ ngân hàng (bà L1 trình bày được chủ thẻ ủy quyền và cung cấp giấy ủy quyền).

2. Trong nội dung đơn khởi kiện V có nêu là Chủ thẻ và Ngân hàng phát hành thẻ khiếu nại đối với 07 giao dịch tại M nhưng V chưa đưa ra được bằng chứng hợp lệ về việc Chủ thẻ và Ngân hàng phát hành thẻ khiếu nại đối với 07 giao dịch đó.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Thùy L2 trình bày:

Tôi chỉ là người giới thiệu khách đến khách sạn thuộc Công ty CP T2. Tôi chỉ làm đúng nhiệm vụ được giao theo yêu cầu của Công ty nên tôi có hướng dẫn khách quẹt thẻ, tôi không yêu cầu, ý kiến gì với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C4;

Tôi xác định tôi chỉ là cộng tác viên với Công ty CP T2 giới thiệu khách du lịch cho công ty và hưởng tiền hoa hồng. Tôi chịu hỗ trợ công ty H2 khách hàng sử dụng thẻ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty T2 trả số tiền đã chiếm dụng của Ngân hàng 910.405.015 đồng, tôi không có ý kiến gì vì tôi không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời những người tham gia tố tụng cũng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đinh Thị Thùy L1 đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 515, Điều 519 Bộ luật dân sự; Điều 306 Luật thương mại; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C4 đối với Công ty cổ phần T2.

Buộc Công ty cổ phần T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP C4 số tiền là 1.252.966.727 đồng;

Công ty cổ phần T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP C4 nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 30; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn là Công ty cổ phần T2 vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Do có nhu cầu lắp đặt máy POS để cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ nên ngày 17/08/2017 Ngân hàng TMCP C4- Chi nhánh N1 và Công ty CP T2 đã ký Hợp đồng chấp nhận thanh toán thẻ số 282017/HĐTTT-NHCT lắp đặt máy POS tại khách sạn R.

Ngày 31/01/2020, Công ty CP T2 đã ký Hợp đồng thỏa thuận số 001/31012020/HDDV với bà Đinh Thị Thùy L1 để cung cấp dịch vụ lưu trú và tổ chức sự kiện với thời gian từ 01/4/2020 đến 16/4/2020 với tổng số tiền là 1.342.000.000 đồng.

Từ ngày 20/02/2020 đến 25/02/2020, Công ty CP T2 đã chấp nhận cho bà Đinh Thị Thùy L1 sử dụng 07 thẻ của 06 chủ thẻ nước ngoài khác nhau, thuộc các quốc tịch khác nhau như Úc, M thực hiện 07 giao dịch thanh toán thẻ tại khách sạn R để thanh toán tổng số tiền là 933.345.000 đồng. Ngân hàng TMCP C4- Chi nhánh N1 chấp nhận thanh toán bằng chức năng MOTO và nhập tay giao dịch thẻ với hình thức không có thẻ vật lý của khách hàng (với lý do các chủ thẻ ủy quyền cho bà Đinh Thị Thùy L1).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng TMCP C4- Chi nhánh N1 đã đáp ứng đầy đủ việc cung cấp dịch vụ của Công ty CP T2 nhưng Công ty CP T2 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình mà đã vi phạm các cam kết về nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng;

Tính đến ngày 26/7/2024, Công ty CP T2 còn nợ Ngân hàng TMCP C4 tổng số tiền là 1.252.966.727 đồng, trong đó; số tiền nợ 910.405.015 đồng, số tiền lãi 342.561.712 đồng;

[3] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP C4 yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP C4 số tiền nợ của Ngân hàng TMCP C4 cùng tiền lãi phát sinh = 9%/năm trên số tiền nợ kể từ ngày 22/5/2020 đến ngày 26/7/2024 là 1.252.966.727 đồng; trong đó số tiền nợ 910.405.015 đồng, tiền lãi là 342.561.712 đồng và toàn bộ số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng.

Xét thấy, việc Công ty cổ phần T2 đã vi phạm việc trả nợ đối với Ngân hàng TMCP C4 nên đã gây thiệt hại cho Ngân hàng. Vì vậy, việc Ngân hàng TMCP C4 yêu

cầu Công ty cổ phần T2 trả nợ gốc và lãi là hoàn toàn chính đáng và phù hợp, xét cần chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi: Ngân hàng TMCP C4 yêu cầu tính lãi 9%/năm tính từ ngày 22/5/2020 đến ngày 26/7/2024 (ngày xét xử) là 342.561.712 đồng ($910.405.015 \times 9\% : 365 \times 1.526$ ngày = 342.561.712 đồng). Tổng cộng: 1.252.966.727 đồng xét thấy mức lãi suất của nguyên đơn phù hợp với lãi suất trung bình của ba Ngân hàng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C4 đối với Công ty cổ phần T2 là có căn cứ.

[4] Căn cứ vào Hợp đồng đăng ký sử dụng dịch vụ kiêm hợp đồng chấp nhận thanh toán thẻ số 282017/HĐTTT-NHCT ngày 17/8/2017, căn cứ Hợp đồng thỏa thuận số 001/31012020/HDDV ngày 31/01/2020; căn cứ Điều 513, Điều 519 Bộ luật dân sự; căn cứ Điều 306 Luật thương mại. Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc Công ty cổ phần T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP C4 số tiền nợ tính từ ngày 22/5/2020 đến ngày 26/7/2024 là 1.252.966.727 đồng; trong đó số tiền nợ là 910.405.015 đồng, tiền lãi là 342.966.727 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo giá ngạch là 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng, đối với số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 513, Điều 519 Bộ luật dân sự. Điều 306 Luật thương mại. Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Chấp nhận đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng cung cấp dịch vụ của Ngân hàng TMCP C4 đối với Công ty cổ phần T2.

Tuyên xử: Buộc Công ty cổ phần T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP C4 số tiền nợ là 1.252.966.727 đồng; trong đó nợ gốc 910.405.015 đồng, nợ lãi tính từ ngày 22/5/2020 đến ngày 26/7/2024 là 342.561.712 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

Án phí dân sự sơ thẩm: 49.589.001 đồng, Công ty cổ phần T2 phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C4 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.656.000 đồng, theo biên lai thu số 001375 ngày 06/10/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP ..

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lâm